

# NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN DÂN TRÍ TÀI CHÍNH CỦA NGƯỜI NGHÈO KHU VỰC NÔNG THÔN VIỆT NAM

**Khúc Thế Anh**

*Viện Ngân hàng Tài chính – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: anhkt@neu.edu.vn*

**Phạm Bích Liên**

*Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt*

*Email: phambichlien2009@gmail.com*

**Bùi Kiên Trung**

*Trung tâm Đào tạo từ xa – Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Email: trungtx@neu.edu.vn*

Ngày nhận: 24/11/2019

Ngày nhận bản sửa: 20/01/2020

Ngày duyệt đăng: 05/02/2020

## **Tóm tắt:**

*Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của các nhân tố lên dân trí tài chính (financial literacy) của người nghèo khu vực nông thôn Việt Nam. Nhóm tác giả đã sử dụng cả nghiên cứu định tính và định lượng để đánh giá. Kết quả chỉ ra rằng các nhân tố nội tại bao gồm kiến thức tài chính, hành vi tài chính và thái độ tài chính là những nhân tố phản ánh (reflective model) – có tác động đến dân trí tài chính trong đó thái độ về tiết kiệm và đầu tư tài chính có ảnh hưởng rõ rệt nhất. Nghiên cứu cũng kiểm định rằng, trong các nhân tố nhân khẩu học thì tuổi tác, thu nhập và học vấn có tác động cùng chiều lên dân trí tài chính; đồng thời giới tính không có ảnh hưởng đáng kể. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã đưa ra một số hàm ý chính sách với các cơ quan liên quan trong việc hình thành thói quen tiết kiệm của người nghèo khu vực nông thôn, đồng thời hình thành các vấn đề về thái độ và hành vi tài chính.*

**Từ khóa:** Dân trí tài chính, thu nhập, người nghèo, khu vực nông thôn.

**Mã JEL:** D14

## **Determinants influencing financial literacy of the poor in Vietnam's rural areas**

*Abstract:*

*This study is conducted to investigate the impact levels of factors on financial literacy of the poor in rural area of Vietnam. Qualitative and quantitative methods have been employed in this research. The results show that the internal factors including financial knowledge, financial behavior and financial attitude were the reflective models affecting financial literacy - in which knowledge about savings and financial investment had the most significant influence. The study also tested that, among demographic factors: age, income and education level have positive impacts on financial literacy; while gender has no significant influence. Based on the findings, some policy implications are given to relevant agencies in shaping the saving habits of the poor in rural areas and forming issues of financial attitude and financial behavior.*

*Keywords:* Financial literacy, Income, The poor, Rural areas.

*JEL Code:* D14

## 1. Giới thiệu

Trong giai đoạn những năm 1980 – 1990, trường phái Washington Concensus (đồng thuận Washington) đã phát triển quan điểm về tiếp cận các dịch vụ tài chính và tài chính toàn diện, giúp các cá nhân có thể đầu tư hoặc sử dụng tốt hơn các dịch vụ trên thị trường, từ đó giúp thúc đẩy phát triển nền kinh tế tự do. Quan điểm này đã đưa ra cách thức thúc đẩy tài chính từ cả hai phía: bên cung và bên cầu. Đối với bên cung, ngoài việc chủ yếu phát triển các tổ chức tài chính, còn có quá trình phát triển các dịch vụ tài chính, và tự đào tạo trong quá trình phát triển tài chính đối với con người (như sử dụng dịch vụ mới hoặc đưa chương trình đào tạo vào nhà trường) nhằm cung cấp nguồn nhân lực cho chính các tổ chức này. Đối với bên cầu, để có thể thực hiện được các nghiệp vụ trên thị trường tài chính, điều tất yếu là phải làm tăng thu nhập của cá nhân, tăng khả năng tiếp xúc với công nghệ thông tin và tăng các khía cạnh liên quan đến hiểu biết về các dịch vụ tài chính, tiếp cận dịch vụ tài chính, từ đó đưa ra thái độ và hành vi ứng xử đối với tài chính cho phù hợp. Như vậy, nhóm tác giả sẽ tiếp cận hướng nghiên cứu từ phía bên cầu của các dịch vụ tài chính.

Xét trên góc độ phát triển bền vững thì dân trí tài chính liên quan đến vốn con người, vì không có nhân tố này thì không thể sử dụng hiệu quả vốn vật chất – ví dụ như đất đai, máy móc... (Schultz, 1961). Một số nghiên cứu khác cho thấy, dân trí tài chính có tác động tích cực đến giảm nghèo thông qua tăng thu nhập của người dân (Atkinson & Messy, 2012; OECD, 2013; OECD, 2018), tuy nhiên, lại chưa có bằng chứng thực nghiệm về vấn đề này ở vùng nông thôn ở các quốc gia đang phát triển. Thêm vào đó, đối với các vấn đề liên quan đến người nghèo và xóa đói giảm nghèo, tại Việt Nam đã tiếp cận trên khá nhiều góc độ: chính sách (Klump & Bonschab, 2004), tài chính vi mô (Nguyen K.Anh & cộng sự, 2011) và theo góc độ tài chính toàn diện. Các nghiên cứu này cho rằng cần phổ biến kiến thức đến người dân về các dịch vụ tài chính, sử dụng các dịch vụ tài chính và góp phần thực hiện mục tiêu thiên niên kỷ về xóa đói giảm nghèo. Cũng cần lưu ý rằng, người nghèo tại khu vực nông thôn tiếp cận rất hạn chế đến các dịch vụ tài chính, thái độ ứng xử cũng như hành vi sử dụng với các dịch vụ này mang tính chất mơ hồ rất cao (Nguyen K.Anh & cộng sự, 2011). Mặt khác, có những bằng chứng từ việc ảnh hưởng của thái độ lên hành vi, nhưng lại chưa phù hợp với người

nghèo, đặc biệt tại các nước có nền văn hóa chịu ảnh hưởng sâu sắc của Nho giáo và Phật giáo (Nguyen & cộng sự, 2009). Xuất phát từ những quan điểm như vậy, nhóm tác giả muốn khai thác sâu về các nhân tố phản ảnh lên dân trí tài chính và đánh giá sự tác động của các nhân tố nhân khẩu học đối với dân trí tài chính của người nghèo khu vực nông thôn.

## 2. Tổng quan nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

### 2.1. Dân trí tài chính

Noctor & cộng sự (1992) cho rằng dân trí tài chính là khả năng đưa ra những phán đoán sáng suốt và những quyết định hiệu quả liên quan đến việc sử dụng và quản lý tiền. Trong khi đó, Schagen & Lines (1996) cho rằng dân trí tài chính được thể hiện qua thái độ, hiểu biết về tài chính và từ đó cho phép quản lý các vấn đề tài chính hiệu quả và có trách nhiệm. Như vậy, Schagen & Lines (1996) đã phát triển thêm khía cạnh thái độ của chủ thể. Tuy nhiên, OECD (2013), Lusardi (2013) cho rằng quan điểm này mơ hồ và khó có thể đánh giá được hết các khía cạnh của vấn đề.

Cụ thể hơn, Willis (2008) định nghĩa dân trí tài chính là khả năng có thể sử dụng kiến thức và kỹ năng để quản lý những nguồn lực tài chính của một cá nhân một cách hiệu quả cho việc bảo đảm tài chính trọn đời. Quan điểm này cũng được ủng hộ bởi Lusardi & cộng sự (2013) khi cho rằng dân trí tài chính là khả năng tiếp thu các thông tin về kinh tế và đưa ra những quyết định về kế hoạch tài chính, tích lũy của cải, lên kế hoạch hưu trí và các khoản nợ, dân trí tài chính bao gồm 3 khía cạnh: thái độ - hành vi và kiến thức. Trong nghiên cứu này, dân trí tài chính là sự phản ánh của kiến thức, thái độ và hành vi tài chính để có thể ra các quyết định tài chính và nâng cao mức độ giàu có của mỗi cá nhân.

### 2.2. Biểu hiện của dân trí tài chính

Dân trí tài chính được phản ánh qua 3 nhân tố chính, đó là Kiến thức tài chính, Thái độ tài chính và Hành vi tài chính, cụ thể:

#### 2.2.1. Kiến thức tài chính

Trong phạm vi bài nghiên cứu này, kiến thức tài chính được hiểu là những kiến thức về lý thuyết và thực tiễn cần thiết để một cá nhân có thể đưa ra quyết định tài chính một cách hiệu quả. Louw & cộng sự (2013), Potrich & cộng sự (2015) cho rằng kiến thức tài chính giúp phát triển thái độ tài chính tích cực,

tức là thái độ tài chính có thể thay đổi trong việc nâng cao kiến thức về tài chính của con người. Zhan (2006) đã phân tích và chỉ ra rằng tăng hiểu biết về tài chính đồng nghĩa với tăng dân trí tài chính.

### 2.2.2. Thái độ tài chính

Thái độ tài chính là những suy nghĩ hay niềm tin của một cá nhân về những vấn đề tài chính, từ đó ảnh hưởng tới các hành vi và việc đưa ra quyết định của cá nhân đó. Thái độ của một cá nhân tới hành vi tài chính bị ảnh hưởng bởi kỳ vọng của họ về kết quả hành vi (Nguyen & Tambyah, 2011). Mặt khác, niềm tin về hành vi là sự kết hợp của các kết quả của một hành vi tài chính cá nhân xác định và cách cá nhân đó đo lường những kết quả tiềm năng đó. Vì thế, niềm tin về hành vi, một trong những yếu tố cấu thành thái độ tài chính có thể được dùng để thay đổi hành vi tài chính của một người (Atkinson & Messy, 2012 và OECD, 2013).

### 2.2.3. Hành vi tài chính

Hành vi tài chính là những tác động của chủ thể đối với sự biến động của nền kinh tế xung quanh. Hilgert & cộng sự (2003) đã chỉ ra rằng kiến thức không có giá trị nếu không có kinh nghiệm thực tế, và kinh nghiệm tạo ra cầu nối giữa kiến thức và khả năng, từ đó tạo ra ảnh hưởng tới việc quản lý tiền bạc của một cá nhân. Để xem xét kỹ hơn về mối quan hệ này, Lusardi & Mitchell (2006) đã tìm ra được sự liên kết thuận chiều giữa hai biến trên. Kết quả này cũng được ủng hộ bởi một số tác giả khác như Zhan (2006), Scheresberg (2013) và Brown (2013). Tuy nhiên, trong hành vi tài chính thường chia thành 2 khía cạnh là hành vi tiết kiệm (đối với các cá nhân nghèo khổ thì thường sẽ cố gắng tiết kiệm dưới dạng tiền mặt hoặc tiền gửi tại các tổ chức tài chính vi mô) và hành vi đầu tư (dưới dạng sử dụng tiền vào các hoạt động khác nhau trong nền kinh tế).

## 2.3. Các nhân tố tác động lên dân trí tài chính

Dân trí tài chính còn chịu sự tác động của các nhân tố nhân khẩu học như yếu tố thu nhập, trình độ học vấn, độ tuổi và giới tính, cụ thể:

### 2.3.1. Thu nhập

Thu nhập là một trong những nhân tố ảnh hưởng đến dân trí tài chính được đề cập đến rất nhiều trong các nghiên cứu – kể cả trong nhánh nghiên cứu về vốn con người, các mô hình tăng trưởng nội sinh và lý thuyết về sinh kế bền vững. Lusardi & Tufano (2009) đã chỉ ra rằng dân trí tài chính có mối quan

hệ thuận chiều với thu nhập dựa trên các nghiên cứu về kiến thức tài chính. Quan điểm trên cũng tương tự với De Clercq & cộng sự (2009), Hastings & Mitchell (2011), Meier & Sprenger (2013), Potrich & cộng sự (2015). Do vậy, nghiên cứu đề xuất giả thuyết:

*H1: Thu nhập có tác động thuận chiều lên dân trí tài chính.*

### 2.3.2. Trình độ học vấn

Rebelo (1991); Moock & cộng sự (2003) cho rằng trình độ học vấn đã đạt được của một người được định nghĩa là lớp học cao nhất đã hoàn tất trong hệ thống giáo dục quốc dân mà người đó đã theo học. Lusardi & Mitchell (2006) cũng đồng tình với nghiên cứu trên khi kiểm chứng rằng những người có học vấn càng cao thì điểm số về dân trí tài chính càng lớn. Do vậy, nghiên cứu đề xuất giả thuyết:

*H2: Trình độ học vấn có tác động thuận chiều lên dân trí tài chính.*

### 2.3.3. Độ tuổi

Lusardi & Mitchell (2006) khẳng định rằng hành vi và kết quả của việc lên kế hoạch và chi tiêu giữa những người trẻ và trung tuổi có sự khác biệt. Tuy nhiên, Scheresberg (2013) cho rằng không có sự khác biệt về điểm số dân trí tài chính. Như vậy, quan điểm về tác động của độ tuổi lên dân trí tài chính vẫn chưa thống nhất và gây tranh luận trong các nghiên cứu. Trong phạm vi nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất giả thuyết:

*H3: Độ tuổi có tác động lên dân trí tài chính.*

### 2.3.4. Giới tính

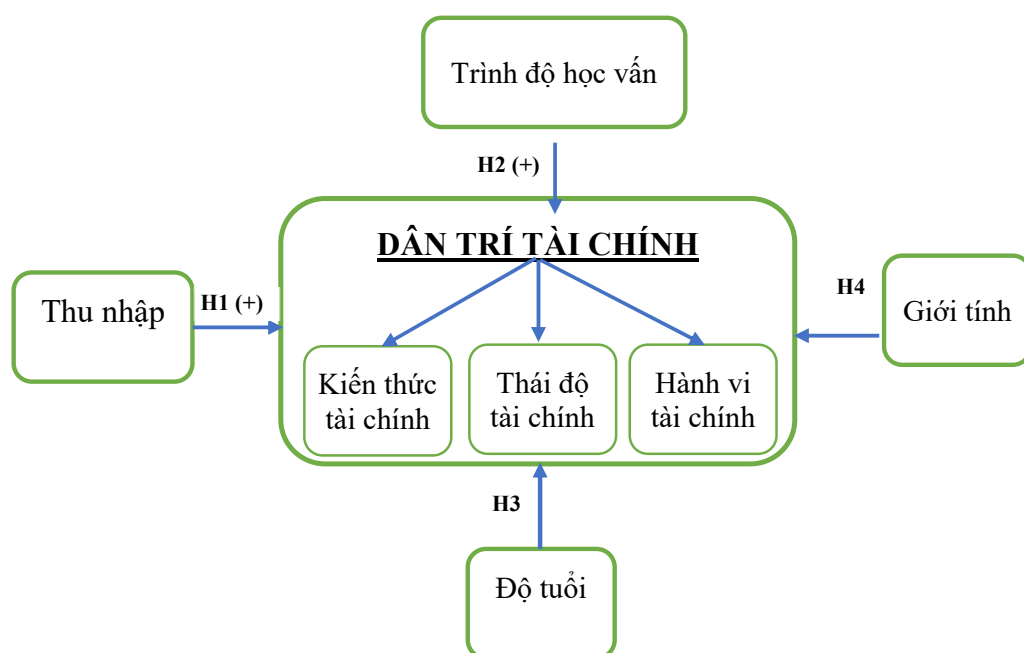
Lusardi & Mitchell (2011) đưa ra quan điểm cho rằng có sự khác biệt về điểm số dân trí tài chính giữa nữ giới và nam giới. Cụ thể, phụ nữ thường có dân trí tài chính thấp hơn đàn ông trong đa số các trường hợp. Hơn thế nữa, phụ nữ còn đưa ra những câu trả lời không xác định cho những vấn đề liên quan đến tài chính. Morgan & Trinh (2017) cho rằng yếu tố giới tính có ảnh hưởng ít hơn so với các nước khác (ở Việt Nam hệ số giới tính chỉ bằng một nửa khi so với 30 nước OECD năm 2016). Kết quả này cho rằng việc giới tính có tác động đến dân trí tài chính là còn phụ thuộc từng vùng, quốc gia do sự khác biệt về lối tư duy và phong tục tập quán.

*H4: Giới tính có tác động lên dân trí tài chính.*

Mô hình nghiên cứu được thể hiện tại Hình 1.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

**Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng lên dân trí tài chính**



### 3.1. Nghiên cứu định tính

Nghiên cứu định tính được thực hiện nhằm đưa ra cách đo lường chính xác nhất và chọn lọc ra các nhân tố tác động đến dân trí tài chính của người nghèo tại khu vực nông thôn Việt Nam trong mô hình nghiên cứu, cũng như có những điều chỉnh cần. Phỏng vấn sâu được tiến hành với 12 chuyên gia, trong đó có 3 người thuộc lĩnh vực tài chính nói chung, 3 người thuộc lĩnh vực tài chính cá nhân, 2 người thuộc lĩnh vực tài chính vi mô, 1 người thuộc lĩnh vực tài chính công, 1 người thuộc lĩnh vực giáo dục và 2 người thuộc lĩnh vực định lượng. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành trực tiếp tại phòng làm việc, tại nhà riêng... để đảm bảo tính thoải mái. Mỗi cuộc phỏng vấn kéo dài từ 25 - 40 phút.

Kết quả định tính sau khi phỏng vấn sâu cho thấy: (1) dân trí tài chính được đo lường chính xác nhất qua ba nhân tố phản ánh là Kiến thức tài chính, Thái độ tài chính và Hành vi tài chính. (2) Các nhân tố tác động lên dân trí tài chính bao gồm: tuổi tác, giới tính, trình độ học vấn và thu nhập. Và có thể xem xét tới vấn đề dân trí tài chính có thể tác động thuận chiều lên thu nhập của mỗi người dân.

### 3.2. Nghiên cứu định lượng

Nghiên cứu định lượng được thực hiện thông qua việc khảo sát lấy số liệu qua phiếu hỏi.

#### 3.2.1. Xây dựng phiếu hỏi và thang đo

Trong nghiên cứu này, tất cả các thang đo đều được xây dựng trên cơ sở các nghiên cứu trước đó, nổi bật là OECD (2018) và hiệu chỉnh cho phù hợp với đối tượng là người nghèo tại vùng nông thôn Việt Nam sau nghiên cứu định tính. Các thang đo được xây dựng dạng Likert 5 cấp độ, trong đó 1 là hoàn toàn không đồng ý, 5 là hoàn toàn đồng ý.

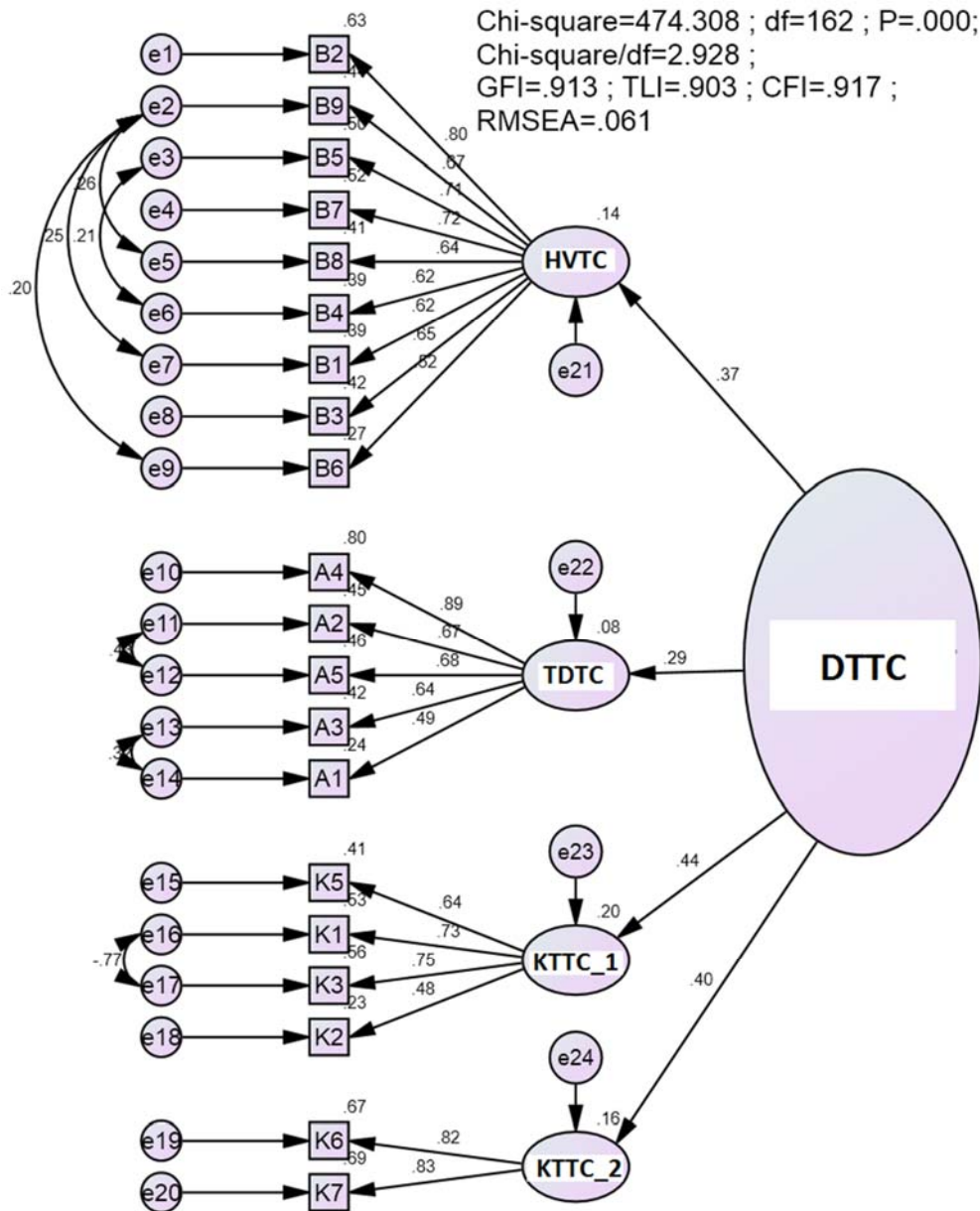
Cụ thể, thang đo Kiến thức tài chính bao gồm 7 biến quan sát, thang đo Thái độ tài chính gồm 5 biến quan sát và thang đo Hành vi tài chính có 9 biến quan sát. Sau nghiên cứu định lượng sơ bộ, có một biến quan sát bị loại khỏi mô hình do không có ý nghĩa thống kê. Như vậy, thang đo chính thức bao gồm: 6 biến quan sát đối với thang đo Kiến thức tài chính, 5 biến quan sát đối với thang đo Thái độ tài chính và 9 biến quan sát đối với thang đo Hành vi tài chính. Điểm số dân trí tài chính sẽ được tính bằng cách lấy trung bình điểm số của các thang đo sau khi điều chỉnh dữ liệu theo hướng hoán đổi thuận chiều đối với một số quan sát. Công cụ khảo sát được xây dựng dựa trên các biến quan sát đo lường khái niệm trong mô hình. Các câu hỏi trong phiếu được nhóm tác giả đối chiếu nhiều lần nhằm kiểm tra ngữ nghĩa giữa bản gốc tiếng Anh và bản dịch tiếng Việt.

#### 3.2.2. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu được lấy một cách ngẫu nhiên từ nhiều khu vực nông thôn thuộc các tỉnh thành khác nhau trong phạm vi Việt Nam – và phải là người thuộc



Hình 2. Kết quả phân tích các nhân tố phản ánh dân trí tài chính



Nguồn: Nhóm tác giả tính toán.

hộ nghèo. Tổng số quan sát phân tích là 512 quan sát, bao gồm 197 nam (38,5%) và 315 nữ (61,5%). Mẫu tập trung ở độ tuổi 26-40 tuổi, chiếm 42%, sau đó là độ tuổi từ 41-55 tuổi chiếm 35.2%. Đối tượng khảo sát là người nghèo sống ở vùng nông thôn và đa số là đối tượng làm trong lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp nên mức thu chủ yếu là từ 3-5 triệu một tháng (chiếm 30.7%) và 1-3 triệu một tháng (chiếm 23.4%), còn lại là đối tượng có thu nhập từ 1 triệu trở xuống. Tuy nhiên, đa phần nhóm đối tượng được phỏng vấn là đối tượng lao động chính trong

gia đình, số lượng người phụ thuộc từ 1 – 3 người nên vẫn nằm trong đối tượng hộ nghèo. Ngoài ra, do nghiên cứu thực hiện khảo sát tại vùng nông thôn nên tỷ lệ người tham gia khảo sát có lĩnh vực thuộc về nông nghiệp là nhiều nhất (chiếm 39.6%), sau đó là lĩnh vực công nghiệp chiếm 39.6%. Còn tỷ lệ về giới tính, nam chiếm 38.5% và nữ chiếm 61.5%, tỷ lệ này có sự chênh lệch khá lớn giữa nam và nữ.

#### 4. Kết quả nghiên cứu

##### 4.1. Đánh giá các nhân tố phản ánh dân trí tài chính

Dân trí tài chính được đo lường bởi 3 nhân tố thành phần chính, đó là kiến thức tài chính, thái độ tài chính và hành vi tài chính. Nhóm tác giả đã sử dụng phân tích SEM để xem xét tính hiệu quả của việc đo lường các nhân tố thành phần của dân trí tài chính.

Hệ số KMO = 0,806 > 0,5, phân tích nhân tố là phù hợp. Kết quả phân tích nhân tố lần 1 với 3 nhân tố thành phần được xác định theo lý thuyết với phép quay Varimax cho ta kết quả 4 nhân tố thành phần. Các biến đo lường nhân tố “Kiến thức tài chính” không tụ lại thành một nhân tố tổng mà được chia thành 2 nhân tố thành phần. Khi xem xét lại ý nghĩa các chỉ báo thuộc nhân tố “Kiến thức tài chính”, tác giả chấp nhận các biến quan sát thuộc nhân tố này được tách ra làm 2 nhân tố thành phần có ý nghĩa về mặt lý thuyết. Kết quả phân tích nhân tố cho ta thấy mô hình nghiên cứu sẽ phải thay đổi.

Kết quả phân tích cho thấy nhân tố “Dân trí tài chính” sẽ được phản ánh trực tiếp bởi 4 nhân tố thành phần: (i) Hành vi tài chính (9 chỉ báo), (ii) Thái độ tài chính (5 chỉ báo), (iii) Kiến thức tài chính 1 liên quan đến lãi suất và lạm phát (4 chỉ báo) và (iv) Kiến thức tài chính 2 liên quan đến đầu tư và rủi ro (2 chỉ báo). Các chỉ báo đều có hệ số tải “Factor loading” > 0,5; điều này cho biết các biến quan sát đều đạt độ giá trị, độ phù hợp, có ý nghĩa thống kê trong phân tích nhân tố và đủ tin cậy giải thích cho biến tổng.

Tổng phương sai trích đạt giá trị giải thích bằng 57,44 nên 57,44% sự thay đổi của các biến thành phần (của các nhân tố) được giải thích bởi các biến quan sát.

Các nhân tố đều có hệ số tin cậy đạt yêu cầu (CR>0,5). Với các hệ số CR>0,8 cho thấy tính đồng hướng rất cao của các biến quan sát trong cùng một nhân tố.

Giá trị hội tụ: các hệ số phương sai trích (AVE) dao động trong khoảng từ 42,2% đến 69,1%, chứng tỏ sự thay đổi của các biến quan sát giải thích được trên 42% sự thay đổi của biến tiềm ẩn. Tuy nhỏ hơn 0,5 nhưng các giá trị này vẫn nằm trong giá trị có thể chấp nhận được (Hair & các cộng sự, 2016).

Giá trị phân biệt: Khi phân tích đối với 6 nhân tố trên, các giá trị MSV đều nhỏ hơn giá trị AVE, cho thấy các giá trị biến quan sát đạt giá trị phân biệt.

Kết quả của mô hình được thể hiện như Hình 2. Kết quả kiểm định sự phù hợp của mô hình cho thấy mô hình khá phù hợp cho phân tích (CMIN/DF < 3,

GFI, TLI, CFI > 0,9 và RMSEA < 0,08...).

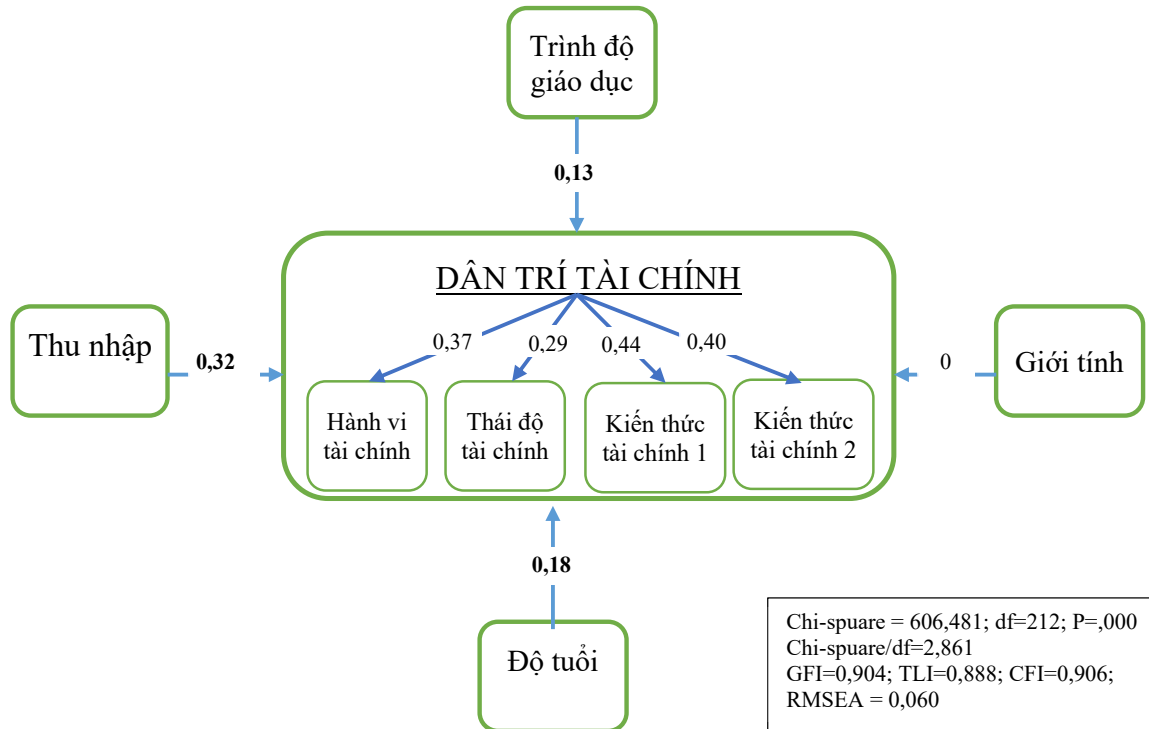
Kết quả là các yếu tố Kiến thức tài chính, Thái độ tài chính, Hành vi tài chính phản ánh dân trí tài chính của người nghèo tại khu vực nông thôn Việt Nam. Một người có Kiến thức tài chính càng cao và các thái độ, Hành vi tài chính càng tích cực thì điểm số dân trí tài chính càng cao và ngược lại. Trong nhóm các nhân tố đo lường dân trí tài chính, nhân tố KTTC\_1 (nhóm nhân tố về lãi suất, lạm phát và tiết kiệm trong kiến thức tài chính) có ảnh hưởng quan trọng nhất đến dân trí tài chính, mức độ quan trọng của các nhân tố còn lại lần lượt là KTTC\_2 (nhóm nhân tố về đầu tư và phòng ngừa rủi ro trong tài chính), Hành vi tài chính và cuối cùng là Thái độ tài chính. Điều này cho thấy rằng, tại khu vực nông thôn Việt Nam, yếu tố kiến thức tài chính trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, việc nâng cao kiến thức tài chính giúp người dân có sự hiểu biết hơn, biết tính toán và cân nhắc hơn trong sử dụng tài chính. Việc tìm hiểu các vấn đề tiết kiệm đóng vai trò quan trọng đối với mỗi tổ chức tài chính và đi sâu vào thói quen tiết kiệm trong đời sống của người dân để có chính sách tài chính phù hợp, có như vậy mới có thể tác động đến hoạt động tiêu dùng và đầu tư của người dân; và sau đó mới có khả năng tác động đến thái độ và hành vi của họ.

#### 4.2. Tác động của các nhân tố đến dân trí tài chính

Như đã phân tích ở trên, quá trình chạy mô hình SEM phân tích tác động của 4 nhân tố Thu nhập, giới tính, độ tuổi, trình độ giáo dục đã cho thấy yếu tố Giới tính hầu như không ảnh hưởng gì tới dân trí tài chính, hệ số hồi quy này không có ý nghĩa thống kê, do vậy, trong phần mô hình phân tích cuối cùng, nhóm tác giả đã loại bỏ nhân tố tác động này khỏi mô hình đánh giá tác động đối với dân trí tài chính.

Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa của các biến độc lập cho thấy, mức độ tác động của thu nhập lên dân trí tài chính là 0,32, lớn nhất trong tất cả yếu tố. Mức độ ảnh hưởng của trình độ học vấn và tuổi tác lần lượt là 0,13 và 0,18. Các chỉ tiêu đo lường độ phù hợp của mô hình cho thấy, giá trị Chi-square/df = 2,891 < 3, GFI = 0,902, CFI = 0,903 đều lớn hơn 0,9, TLI nằm trong ngưỡng có thể chấp nhận được, hệ số RMSEA = 0,061 < 0,08, vì thế mô hình đạt được sự phù hợp dữ liệu thị trường. Kết quả của các giá trị P-value của các biến độc lập đều có giá trị thấp hơn giá trị 0,05, do đó các biến độc lập đều thể hiện

**Hình 3. Kết quả phân tích hệ số hồi quy ước lượng**



Nguồn: Tác giả tính toán.

sự ảnh hưởng tới biến phụ thuộc là dân trí tài chính.

## 5. Thảo luận kết quả và hàm ý chính sách

### 5.1. Đánh giá các nhân tố phản ánh dân trí tài chính

#### 5.1.1. Kiến thức tài chính

Kết quả từ mô hình cho thấy hệ số tương thích của 2 nhóm kiến thức 1 và 2 đối với dân trí tài chính lần lượt là 0,44 và 0,40 và tương ứng hệ số Sig = 0,000 < 0,05. Như vậy, tại khu vực nông thôn Việt Nam, Kiến thức tài chính là một trong những nhân tố tác động dương đến dân trí tài chính. Đây cũng là kết quả của các nghiên cứu Huston (2010); Scheresberg (2013). Theo kết quả của mô hình, kiến thức tài chính được tách thành 2 nhóm riêng biệt là kiến thức tài chính 1, phản ánh sự hiểu biết về lãi suất, lạm phát và tiết kiệm (khả năng sinh lãi của các khoản tiền gửi); và kiến thức tài chính 2, phản ánh sự hiểu biết về đầu tư và phòng ngừa rủi ro (ví dụ như nên gửi tiền ở đâu hoặc đầu tư vào đâu), 2 nhân tố này đều có tác động đến dân trí tài chính. Do vậy, điều cần thiết là cần phải tạo cho người nghèo thói quen tiết kiệm và tính toán các tỷ lệ sinh lời, trên cơ sở nâng cao kiến thức tài chính sẽ có ảnh hưởng nhất định tới thái độ và hành vi tài chính của mỗi người dân, từ đó dân trí tài chính sẽ được nâng lên.

#### 5.1.2. Thái độ tài chính

Thái độ tài chính càng tích cực thì dân trí tài chính càng cao. Cụ thể, chủ thể đánh giá chính xác, tích cực các sự thay đổi, biến động của nền kinh tế, khả năng về hiểu biết cũng như đầu tư tiết kiệm của người đó càng chính xác, tích cực. Nhóm quan điểm này cũng được sự ủng hộ của Benjamin & Brandt (2002), Nguyen K.Anh & cộng sự (2011) khi cho rằng: đa phần người nghèo tại khu vực nông thôn có thái độ tiết kiệm nhiều hơn là chi tiêu, đặc biệt tại miền Bắc Việt Nam. Chính vì vậy, việc nâng cao thái độ tài chính thông qua các hình thức khác nhau có thể làm cho người dân tăng mức độ về dân trí tài chính.

#### 5.1.3. Hành vi tài chính

Hành vi tài chính tác động dương đến dân trí tài chính. Đây cũng là kết quả của các nghiên cứu Hilgert & cộng sự (2003), Moore (2003), Atkinson & Messy (2012), OECD (2013), OECD (2018). Cụ thể, chủ thể đầu tư, tiết kiệm, chi tiêu chính xác, khả năng về hiểu biết cũng như thái độ của người đó đối với nền kinh tế càng chính xác, tích cực. Do vậy, điều cần thiết là cần phải điều chỉnh các khoản mục này cho phù hợp với danh mục đầu tư hoặc chi phí cơ hội.

## **5.2. Tác động của các nhân tố nhân khẩu học đối với dân trí tài chính**

### **5.2.1. Học vấn**

Học vấn (và trình độ giáo dục) có tác động cùng chiều lên dân trí tài chính. Kết quả này đồng thuận với nhóm nghiên cứu của Brown (2013); Lusardi & cộng sự (2013), Morgan & Trinh (2017). Tuy nhiên, kết quả này lại đi ngược với kết quả cho rằng với kết luận cho rằng người cao tuổi thường có dân trí tài chính thấp ở trong những nghiên cứu của Lusardi & Tufano (2009); Atkinson & Messy (2012). Có thể thấy rằng người dân sống tại khu vực nông thôn Việt Nam, nếu chia theo trình độ học vấn thì trình độ học vấn càng cao càng có dân trí tài chính tốt.

### **5.2.2. Thu nhập**

Dân trí tài chính có xu hướng tăng cùng chiều với thu nhập, điều này cũng tương đồng với kết luận đưa ra trong nghiên cứu của nhóm tác giả Lusardi & Tufano (2009). Mặc dù sự chênh lệch không nhiều, nhưng xu hướng tăng lên của dân trí tài chính có thể thấy rõ. Đối với kết quả kiểm định mô hình, Giá trị Sig = 0,002 < 0,05 và giá trị VIF = 1,065 điều này có nghĩa là thu nhập có tác động tới dân trí tài chính. Hệ số Beta chuẩn hóa của nhân tố này là 0,118, tác động mạnh thứ 2 trong nhóm nhân tố ảnh hưởng. Hệ số Beta chưa chuẩn hóa trong mô hình bằng 0,038 > 0 chứng tỏ thu nhập ảnh hưởng cùng chiều tới dân trí tài chính. Đây cũng là kết quả của một số nghiên cứu De Clercq & cộng sự (2009), Monticone (2010), Meier & Sprenger (2013), Hastings & Mitchell (2011), Potrich & cộng sự (2015). Giải thích về giả thuyết này, các nhóm chủ thể có thu nhập cao thường có kinh nghiệm nhiều hơn không chỉ trong chi tiêu, tiết kiệm và đầu tư mà còn hiểu biết về các chỉ số và cách vận hành tài chính và thái độ của họ đối với các vấn đề liên quan tới tài chính của họ càng cao.

### **5.2.3. Độ tuổi**

Kết quả mô hình cho thấy: tuổi tác càng cao thì dân trí tài chính càng cao, tương tự với kết luận của Lusardi & Mitchell (2007). Vì người nghèo vùng nông thôn thường có xu hướng đưa ra các quyết định tài chính theo kinh nghiệm trước đó nên người có tuổi tác cao thường có nhiều kinh nghiệm trong hiểu biết tài chính và thái độ đối với các vấn đề liên quan tới tài chính. Vì vậy, tuổi tác càng cao thì dân trí tài chính càng cao. Một số tác giả cũng đưa ra một số kết quả tương tự: đối với các quốc gia chịu ảnh hưởng của Nho giáo và Phật giáo, thì vấn đề

tính cộng đồng rất cao (Nguyen & cộng sự (2009); Tran & cộng sự (2017); Nguyen & Tambyah (2011)) nên các xu hướng chi tiêu và tiết kiệm mang tính chất cộng đồng rất lớn. Thêm vào đó, các nghiên cứu đi trước còn cho thấy, việc người dân tại khu vực nông thôn sinh sống chịu ảnh hưởng bởi kinh nghiệm của người già hoặc người có uy tín đang tác động đến mức dân trí tài chính nói chung. Do vậy, các biện pháp thực hiện nâng cao dân trí tài chính có thể thông qua nhóm đối tượng người cao tuổi.

## **5.3. Hàm ý chính sách**

Hàm ý chính sách trong nghiên cứu này bao gồm nhóm các chính sách về kiến thức tài chính, về thái độ tài chính và hành vi tài chính, cụ thể:

### **5.3.1. Kiến thức tài chính**

Thứ nhất, xây dựng các chương trình, chính sách nhằm nâng cao dân trí tài chính của người nghèo tại vùng nông thôn Việt Nam. Kết quả nghiên cứu thực nghiệm chỉ ra mức độ tác động của thu nhập lên dân trí tài chính là 0,053, lớn nhất trong tất cả yếu tố, trong khi đó mức độ ảnh hưởng của trình độ học vấn và tuổi tác lần lượt là 0,026 và 0,025. Do đó, chiến lược giáo dục tài chính quốc gia nên chú trọng tập trung vào đối tượng người dân tại vùng nông thôn Việt Nam, đặc biệt là những người dân có thu nhập thấp, người nghèo và các tỉnh miền núi.

Thứ hai, nhà nước nên tổ chức những chương trình tập huấn đào tạo nguồn nhân lực nguồn. Cụ thể là mỗi tỉnh sẽ có những lãnh đạo, chuyên viên được đào tạo về dân trí tài chính và nhận thức tầm quan trọng của dân trí tài chính đến nền kinh tế quốc gia, từ đó có ý thức về nâng cao dân trí tài chính trực tiếp tại tỉnh và địa phương của mình nhằm hiểu rõ tầm quan trọng của dân trí tài chính tới nền kinh tế quốc gia. Từ đó, đề xuất ra một khung chương trình đào tạo dân trí tài chính cho các tỉnh và địa phương, dựa trên đó mỗi tỉnh và địa phương sẽ có sự thay đổi linh hoạt để phù hợp với tỉnh và địa phương của mình.

### **5.3.2. Thái độ tài chính**

Thái độ tài chính là một vấn đề vô cùng quan trọng trong việc hình thành nên hành vi tài chính. Do vậy, nhằm thúc đẩy các vấn đề liên quan đến thái độ tài chính, có thể thực hiện các việc sau đây:

Thứ nhất, đẩy mạnh công tác thông tin, truyền thông về tầm quan trọng của việc nâng cao dân trí tài chính đối với người dân, đặc biệt là người dân tại vùng nông thôn. Các nhà hoạch định chính sách nên



phát huy sức mạnh của phương tiện hình ảnh, âm thanh trực tiếp thông qua băng rôn và hệ thống phát thanh, với những thông điệp ngắn gọn, dễ hiểu và mở rộng hơn nữa các kênh truyền thông hiện đại về các thông tin, tin tức tài chính. Ngoài ra, việc truyền thông tại địa phương này còn có thể cho người dân cơ hội được tiếp cận gần hơn với các sản phẩm tài chính mới, từ đó nâng cao kiến thức tài chính và thay đổi thái độ của người dân đối với những sản phẩm mới này.

Thứ hai, chú trọng vào tính hiệu quả và dễ sử dụng khi xây dựng các chương trình, sản phẩm tài chính. Tập trung đa dạng hóa các dịch vụ, sản phẩm tài chính cho các đối tượng có trình độ dân trí tài chính khác nhau tại khu vực nông thôn Việt Nam.

### 5.3.3. Hành vi tài chính

Thứ nhất, đối với hoạt động cho vay với hộ nghèo có thể thực hiện các hoạt động trả lãi theo kỳ ngắn (hàng tháng hoặc hàng tuần), và phải thực hiện cho vay theo tổ/đội/nhóm.

Thứ hai, các địa phương nên có phương án hỗ trợ cho vay với những gói vay ưu đãi, kích thích phát triển kinh tế địa phương, đặc biệt ở những địa phương phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và làng nghề. Bên cạnh đó, việc này cũng tạo điều kiện cho người dân tiếp cận vay vốn hợp pháp đa dạng, thuận tiện, đơn giản hơn, hạn chế việc người dân tìm đến nguồn tín dụng đen không hợp

pháp. Hoạt động này sẽ thúc đẩy hành vi tài chính tích cực của người dân trong việc tiếp cận nguồn vốn hợp pháp.

Thứ ba, cần quan tâm hơn nữa đến việc phát triển các hoạt động liên quan đến công nghệ tài chính, nhất là ở khu vực nông thôn Việt Nam. Không thể phủ nhận những lợi ích về quản lý tài chính mà này đang hỗ trợ cho người dân. Công nghệ đang đơn giản hóa lĩnh vực tài chính, mang lại nhiều lựa chọn hơn cho người tiêu dùng. Theo đó, những giao dịch hay hoạt động tài chính chuyên tiền, đầu tư, thanh toán cá nhân và vay tiền ngân hàng... đều có thể được thực hiện qua thiết bị di động thông minh.

## 6. Kết luận

Dân trí tài chính là một lĩnh vực mới, chưa được phát triển nhiều trong các nghiên cứu tài Việt Nam. Nghiên cứu này cho thấy, kiến thức tài chính – được tách ra thành kiến thức về tiết kiệm và kiến thức về đầu tư – có tác động lớn nhất đến dân trí tài chính của người nghèo khu vực nông thôn Việt Nam. Một trong những phát hiện mà nghiên cứu bổ sung vào khe hở là tìm được các bằng chứng nội tại cho thấy, vấn đề về giới không có ý nghĩa thống kê đối với dân trí tài chính. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng bị hạn chế bởi vấn đề: chưa đánh giá được tác động 2 chiều giữa thu nhập và dân trí tài chính, cũng như ảnh hưởng của vùng miền. Vấn đề này sẽ được bổ sung trong các nghiên cứu tiếp theo.

## Tài liệu tham khảo:

- Atkinson, A., & Messy, F. (2012), *Measuring Financial Literacy: Results of the OECD/ International Network on Financial Education (INFE) Pilot Study* (No.15), OECD Publishing.
- Benjamin & Brandt, (2002), *Agriculture and Income Distribution in Rural Vietnam under Economic Reforms: A Tale of Two Regions*, William Davidson Institute Working Paper No. 519.
- Brown, M., & Graf, R. (2013), 'Financial literacy and retirement planning in Switzerland', *Numeracy*, 6(2), p.1-21.
- De Clercq, B., Van Leeuwen, K., Van Den Noortgate, W., De Bolle, M., & De Fruyt, F. (2009), 'Childhood personality pathology: Dimensional stability and change', *Development psychopathology*, 21(3), p.853-869.
- Demirguc-Kunt, A., Leora, K., Dorothe, S., & Peter, V. O. (2015), *The Global Findex Database 2014 : measuring financial inclusion around the world (English)*, The World Bank.
- Hair, J. J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C., & Sarstedt, M. (2016), *A primer on partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM)*, Sage publications, Inc., Thousand Oaks.
- Hastings, J., & Mitchell, O. S. (2011), *How financial literacy and impatience shape retirement wealth and investment behaviors*, NBER working paper series, retrived at <https://www.nber.org/papers/w16740>.
- Hilgert, M., Hogarth, J., & Beverly, S. (2003), 'Household financial management: the connection between knowledge and behavior', *Federal Reserve Bulletin*, July, p.309 - 322.
- Huston, S. (2010), 'Measuring financial literacy', *The Journal of Consumer Affairs*, 44(2), p. 296-316.
- Klump, R., & Bonschab, T. (2004), *Operationalising pro-poor growth: a country case study on Vietnam: estudio*

preparado para el programa OPPG.

- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2006), *Financial Literacy and Planning: Implications for Retirement Wellbeing*, Working Paper, Pension Research Council, Wharton School, University of Pennsylvania.
- Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2011), 'Financial Literacy around the World: An Overview', *Journal of Pension Economics and Finance*, 10(4), p. 497-508.
- Lusardi, A., Pierre-Carl, M., & Mitchell, O. S. (2013), *Optimal Financial Literacy and Wealth Inequality*, NBER Working Paper 18669.
- Lusardi, A., & Tufano, P. (2009), *Debt Literacy, Financial Experiences, and Overindebtedness*, NBER Working Paper 14808.
- Meier, S., & Sprenger, C. D. (2013), 'Discounting financial literacy: Time preferences and participation in financial education programs', *Journal of Economic Behavior Organization*, 95, p.159-174.
- Mincer, J. (1958), 'Investment in Human Capital and Personal Income Distribution', *Journal of Political Economy*, 66(4), p.281-302.
- Mincer, J. (1974), *Schooling, Experience, and Earnings*, Columbia University Press.
- Monticone, C. (2010), 'How Much Does Wealth Matter in the Acquisition of Financial Literacy?', *The Journal of Consumer Affairs*, 44 (2), p.403-422.
- Moock, P. R., Patrinos, H. A., & Venkataraman, M. (2003), 'Education and earnings in a transition economy: the case of Vietnam', *Economics of education review*, 22(5), p. 503-510.
- Moore, D. L. (2003), *Survey of Financial Literacy in Washington State: Knowledge, behavior, Attitudes, and Experiences*, Olympia, WA : Washington State Dept. of Financial Institutions.
- Morgan, P. J., & Trinh, L. Q. (2017), *Determinants and impacts of financial literacy in Cambodia and Viet Nam*, ADBI Working paper, Retrieved from <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/325076/adbi-wp754.pdf>
- Nguyen K.Anh., Ngo V.Thu., Le T.Tam, Nguyen T.T.Mai (2011), *Microfinance versus Poverty Reduction in Vietnam- Diagnostic Test and Comparison*, Transport Publishing House, Hanoi.
- Nguyen, T. T. M., Smith, K., & Cao, J. R. (2009), 'Measurement of modern and traditional self-concepts in Asian transitional economies', *Journal of Asia-Pacific Business*, 10(3), p. 201-220.
- Nguyen, T. T. M., & Tambyah, S. K. (2011), 'Antecedents and Consequences of Status Consumption among Urban Vietnamese Consumers', *Organizations and Markets in Emerging Economies*, 2(1), p.75 - 98.
- Noctor, M., Stoney, S., & Stradling, R. (1992), *Financial Literacy, National Foundation for Educational Research, Slough, NFER*.
- OECD. (2013), *Improving Financial Education Effectiveness through Behavioural Economics: OECD Key Findings and Way Forward*, OECD Publishing.
- OECD. (2018), *OECD/INFE Toolkit for Measuring Financial Literacy and Financial Inclusion*, OECD Publishing.
- Potrich, A. C. G., Vieira, K. M., & Kirch, G. (2015), 'Determinants of financial literacy: analysis of the influence of socioeconomic and demographic variable', *Revista Contabilidade & Finanças*, 26(69), p. 362-377.
- Rebelo, S. (1991), 'Long-run policy analysis and long-run growth', *Journal of Political Economy*, 99(3), p. 500-521.
- Schagen, S., & Lines, A. (1996), *Financial literacy in adult life: a report to the Natwest Group Charitable Trust*, NFER.
- Scheresberg, C. D. (2013), 'Financial Literacy and Financial Behavior among Young Adults: Evidence and Implications', *Numeracy*, 6(2), Article 5, p. 1-21, doi:<http://dx.doi.org/10.5038/1936-4660.6.2.5>
- Schultz, T. W. (1961), 'Investment in human capital', *The American economic review*, 51(1), p. 1-17.
- Servon, L. J., & Kaestner, R. (2008), 'Consumer financial literacy and the impact of online banking on the financial behavior of lower-income bank customers', *Journal of Consumer Affairs*, 42(2), p. 271-305.
- Tran, T. Q., Nguyen, T. Q., Vu, H. V., & Doan, T. T. (2017), 'Religiosity and subjective well-being among old people: evidence from a transitional country', *Applied Research in Quality of Life*, 12(4), p.947-962.
- Willis, L. E. (2008), 'Against financial-literacy education', *Iowa Law Review*, 94, p.197-258.
- Zhan, M. (2006), 'Assets, Parental Expectations and Involvement, and Children's Educational Performance', *Children and Youth Services Review*, 28(8), p.961-975.